

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2022/HC-PT
Ngày 17 tháng 5 năm 2022
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 232/2021/TLPT-HC ngày 09 tháng 4 năm 2021 “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1039/2020/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 599/2022/QĐPT-HC ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện : Bà Phạm Thị Hải Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 109 Trần Quốc T, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Hải Đ: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số 110/5 đường 6, khu phố 4, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: 1/ Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 168 T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T– Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Nguyễn Trọng Q – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Hải Đ là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Nguyễn Văn Đ là đại diện ủy quyền của bà Đ: Phần đất có diện tích 99,5m² thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 63 (theo tài liệu năm 2004) tại phường T, quận T do bà Phạm Thị Hải Đ đang sử dụng được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 863044 ngày 25/3/2013. Ngày 12/5/2017, bà Phạm Thị Hải Đ có gửi đơn yêu cầu cung cấp thông tin quy hoạch thu hồi đất và được Ủy ban nhân dân quận T trả lời theo Công văn số 817/UBND-QLĐT: Khu đất nằm trong đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hiệp Bình Chánh – Linh Đông, quận T được UBND thành phố duyệt tại Quyết định số 5125/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 về duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L, quận T (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) và tại Quyết định số 7351/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L, quận T (hạ tầng kỹ thuật) xác định khu đất của bà Đ thuộc quy hoạch “khu đất cây xanh công cộng”.

Ngày 28/8/2017, bà Phạm Thị Hải Đ nộp đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị.

Ngày 01/9/2017, bà Đ nhận được Văn bản số 3811/UBND-TNMT của Ủy ban nhân dân quận T trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Đ vì cho rằng đất của bà Đ nằm trong quy hoạch đất văn hóa. Như vậy, chỉ trong 4 tháng Ủy ban nhân dân quận T đã hai lần thay đổi quy hoạch sử dụng đất.

bà Đ khiếu nại nên ngày 01/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 7712/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Đ với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà Đ, giữ nguyên Văn bản số 3811/UBND-TNMT của Ủy ban nhân dân quận T.

Do vậy, nay bà Đ khởi kiện đề nghị hủy Văn bản số 3811/UBND-TNMT ngày 01/9/2007 của Ủy ban nhân dân quận T và Quyết định số 7712/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T trình bày tại Công văn số 889/UBND-TNMT ngày 13/3/2019: Ngày 28/8/2017, bà Phạm Thị Hải Đ nộp đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở đô thị đối với phần đất có diện tích 99,5m² thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 63 (theo tài liệu năm 2004) tại phường T, quận T; do vị trí khu đất bà Đ yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp với quy hoạch được duyệt, cụ thể: Thuộc đất quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng theo quy hoạch chi tiết đô thị 1/2000 và thuộc đất văn hóa theo quy hoạch sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản số 3811/UBND-TNMT trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Đ và ngày 01/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 7712/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Đ với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà Đ, giữ nguyên Văn bản số 3811/UBND-TNM là đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại Bản án số 1039/2020/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 4 Điều 32, Khoản 1 Điều 158, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 52; Khoản 2, 3 Điều 59 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Đ yêu cầu hủy Văn bản số 3811/UBND-TNMT ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân quận T trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Phạm Thị Hải Đ và Quyết định số 7712/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/7/2020, người khởi kiện là bà Phạm Thị Hải Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Đ là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phạm Thị Hải Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà Đ, yêu cầu hủy Văn bản số 3811/UBND-TNMT ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân quận T trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Phạm Thị Hải Đ và Quyết định số 7712/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Đ. Với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá khách quan, toàn diện, không làm rõ mối quan hệ của đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L; Không làm rõ tính liên quan của Quyết định 2306/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 về việc đề nghị xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011-2015 quận T và các phường với đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại quyết định số: 5125/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 và văn bản số 7351/QĐ-UBND ngày 31/12/2013, quyết định số 2306 có điều chỉnh đồ án quy hoạch hay không; Các vị trí tiếp giáp trên bản đồ đều thể hiện là đất ở, mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị lâu dài, phù hợp với đồ án quy hoạch dân cư mà Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt; Đất của bà Đ Đ điều kiện chuyển mục đích sử dụng sang đất ở đô thị vì xung quanh diện tích đất của bà có những thửa đã được cấp giấy chứng nhận là đất thổ cư.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Lê Nguyễn Trọng Q đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, căn cứ các Quyết định số 5125/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L, quận T (nay là thành phố T) (quy hoạch sử dụng đất- kiến trúc - giao thông); Quyết định số 7351/QĐ-UBND ngày 31/12/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L, quận T (hạ tầng kỹ thuật); Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011- 2015 quận T và các phường thị vị trí đất của bà Đ thuộc quy hoạch đất văn hóa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có Đ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của bà Phạm Thị Hải Đ, trên cơ sở xem xét đầy Đ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là ông Hoàng Tùng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 255 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện:

Bà Phạm Thị Hải Đ khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 3811/UBND-TNMT ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân quận T trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Phạm Thị Hải Đ và Quyết định số 7712/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Đ, là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/11/2018, bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại

điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[1.4] *Về thẩm quyền giải quyết*: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[1.5] *Về thời hạn kháng cáo*: Ngày 27/7/2020, bà Phạm Thị Hải Đ kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 1039/2020/HC-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành*

Phần đất có diện tích 99,5m² thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 63 (theo tài liệu năm 2004) tại phường T, quận T do bà Phạm Thị Hải Đ đang sử dụng được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 863044 ngày 25/3/2013. Ngày 28/8/2017, bà Phạm Thị Hải Đ nộp đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị.

Ngày 01/9/2017, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản số 3811/UBND-TNMT trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Đ. bà Đ khiếu nại nên ngày 01/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 7712/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Đ là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật đất đai 2013; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] *Về nội dung*:

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 52; điểm d Khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai 2013 thì việc chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài ra, còn căn cứ vào quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch điểm dân cư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; nội dung kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt để làm căn cứ chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó: Đã xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trên địa bàn cấp huyện; xác định loại đất cần chuyển mục đích; xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án.

- Ngày 20/9/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5125/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L, quận T (*quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông*). Ngày 31/12/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 7351/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư H - L, quận T (*hạ tầng kỹ thuật*). Ngày 15/5/2014, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh ban hành Quyết định số 2306/QĐ-UBND về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011- 2015 quận T và các phường.

- Ủy ban nhân dân quận T căn cứ vào các quyết định nêu trên xác định vị trí đất mà bà Đ yêu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị không phù hợp với quy hoạch được duyệt, cụ thể: Thuộc quy hoạch đất cây xanh sử dụng công cộng theo quy hoạch chi tiết đô thị 1/2000 theo Quyết định số 5125/QĐ-UBND và thuộc quy hoạch đất văn hóa theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo Quyết định 2306/QĐ-UBND. Do đó, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản số 3811/UBND-TNMT trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Đ, là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Hải Đ:

- Bà Phạm Thị Hải Đ cho rằng các Quyết định số 5125/QĐ-UBND, Quyết định số 7351/QĐ-UBND được ban hành từ năm 2013 và Quyết định số 2306/QĐ-UBND được ban hành từ năm 2014 nhưng đến nay chưa thực hiện, chưa có quyết định thu hồi đất nên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 49 Luật đất đai thì Ủy ban nhân dân quận T phải chuyển mục đích sử dụng đất cho bà Đ. Tuy nhiên, tại thời điểm bà Đ xin chuyển mục đích sử dụng đất thì vị trí đất của bà vẫn nằm trong quy hoạch theo Quyết định số 2306/QĐ-UBND và tại Khoản 4 Điều 49 Luật đất đai cũng quy định: *“Khi kết thúc kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt”*.

- Về việc bà Đ viện dẫn Khoản 2 Điều 49; Khoản 1 Điều 167 Luật đất đai để cho rằng bà vẫn có các quyền của người sử dụng đất, trong đó có quyền được chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên, chính tại Khoản 1 Điều 167 Luật đất đai nêu trên quy định: *“Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này”*. Như vậy, bà Đ được thực hiện các quyền của người sử dụng đất nhưng phải trong khuôn khổ quy định của pháp luật về điều kiện được chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 52; điểm d Khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai 2013.

- Ngoài ra, bà Đ còn kháng cáo cho rằng đất của bà Đ điều kiện chuyển mục đích sử dụng sang đất ở đô thị vì xung quanh diện tích đất của bà có những thửa đã được cấp giấy chứng nhận là đất thổ cư. Tuy nhiên, các thửa đất mà bà Đ nêu ra đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2011 trước khi

Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực và trước khi có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Hải Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, bà Phạm Thị Hải Đ phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Hải Đ; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hải Đ về yêu cầu hủy Văn bản số 3811/UBND-TNMT ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) trả lời không có cơ sở giải quyết hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Phạm Thị Hải Đ và Quyết định số 7712/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Hải Đ.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hải Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0093139 ngày 02/12/2020 (do ông Nguyễn Văn Đ nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh